

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	073	6157	00000	0	0	1.304.625.000	1.304.625.000	1.304.625.000	1.304.625.000
Các khoản hỗ trợ khác	12	073	6199	00000	0	0	5.589.444.000	5.589.444.000	5.589.444.000	5.589.444.000
Thuê lao động trong nước	12	073	6757	00000	0	0	123.930.000	123.930.000	123.930.000	123.930.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	073	7766	00000	0	0	18.350.000	18.350.000	18.350.000	18.350.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	4.686.729.860	4.686.729.860	4.686.729.860	4.686.729.860
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	073	6051	00000	0	0	116.599.203	116.599.203	116.599.203	116.599.203
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	108.540.000	108.540.000	108.540.000	108.540.000
Phụ cấp khu vực	13	073	6102	00000	0	0	996.846.261	996.846.261	996.846.261	996.846.261
Phụ cấp thu hút	13	073	6103	00000	0	0	535.928.400	535.928.400	535.928.400	535.928.400
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	073	6105	00000	0	0	157.425.064	157.425.064	157.425.064	157.425.064
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	073	6107	00000	0	0	6.012.000	6.012.000	6.012.000	6.012.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	3.129.538.083	3.129.538.083	3.129.538.083	3.129.538.083
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	416.173.826	416.173.826	416.173.826	416.173.826
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	540.039.738	540.039.738	540.039.738	540.039.738
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	13	073	6116	00000	0	0	918.992.350	918.992.350	918.992.350	918.992.350
Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã	13	073	6121	00000	0	0	885.792.587	885.792.587	885.792.587	885.792.587

hội đặc biệt khó khăn										
Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	13	073	6123	00000	0	0	7.452.000	7.452.000	7.452.000	7.452.000
Phụ cấp khác	13	073	6149	00000	0	0	520.047.704	520.047.704	520.047.704	520.047.704
Tiền tàu xe nghỉ phép năm	13	073	6253	00000	0	0	8.931.399	8.931.399	8.931.399	8.931.399
Chi khác	13	073	6299	00000	0	0	165.605.950	165.605.950	165.605.950	165.605.950
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	961.395.172	961.395.172	961.395.172	961.395.172
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	164.810.602	164.810.602	164.810.602	164.810.602
Kinh phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	105.202.612	105.202.612	105.202.612	105.202.612
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	54.936.866	54.936.866	54.936.866	54.936.866
Chi khác	13	073	6449	00000	0	0	42.219.000	42.219.000	42.219.000	42.219.000
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	148.049.376	148.049.376	148.049.376	148.049.376
Tiền khoán phương tiện theo chế độ	13	073	6505	00000	0	0	7.368.000	7.368.000	7.368.000	7.368.000
Văn phòng phẩm	13	073	6551	00000	0	0	65.726.160	65.726.160	65.726.160	65.726.160
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	073	6552	00000	0	0	169.904.837	169.904.837	169.904.837	169.904.837
Vật tư văn phòng khác	13	073	6599	00000	0	0	91.689.398	91.689.398	91.689.398	91.689.398
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	073	6605	00000	0	0	45.823.212	45.823.212	45.823.212	45.823.212
Tuyên truyền, quảng cáo	13	073	6606	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	073	6608	00000	0	0	3.715.500	3.715.500	3.715.500	3.715.500
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	073	6701	00000	0	0	1.035.000	1.035.000	1.035.000	1.035.000
Phụ cấp công tác phí	13	073	6702	00000	0	0	61.920.000	61.920.000	61.920.000	61.920.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	073	6703	00000	0	0	29.070.000	29.070.000	29.070.000	29.070.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13	073	6905	00000	0	0	26.269.470	26.269.470	26.269.470	26.269.470
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	073	6912	00000	0	0	21.420.000	21.420.000	21.420.000	21.420.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	073	6949	00000	0	0	149.723.130	149.723.130	149.723.130	149.723.130
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	13	073	6954	00000	0	0	300.200.000	300.200.000	300.200.000	300.200.000
Tài sản và thiết bị khác	13	073	6999	00000	0	0	364.483.040	364.483.040	364.483.040	364.483.040
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	073	7001	00000	0	0	887.076.500	887.076.500	887.076.500	887.076.500

Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	073	7004	00000	0	0	4.497.000	4.497.000	4.497.000	4.497.000
Chi khác	13	073	7049	00000	0	0	430.260.855	430.260.855	430.260.855	430.260.855
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	073	7053	00000	0	0	43.870.000	43.870.000	43.870.000	43.870.000
Chi các khoản phí và lệ phí	13	073	7756	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	073	7757	00000	0	0	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
Chi các khoản khác	13	073	7799	00000	0	0	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000
Các khoản hỗ trợ khác	15	073	6199	00000	0	0	23.400.000	23.400.000	23.400.000	23.400.000
Thưởng thường xuyên	18	073	6201	00000	0	0	271.867.400	271.867.400	271.867.400	271.867.400
Cộng:					0	0	24.745.086.555	24.745.086.555	24.745.086.555	24.745.086.555
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 11 tháng 2 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Minh

Người ký: Phạm Tiến Dương
Ngày ký: 11/02/2025 08:21:06
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Năm Pô - Điện Biên

Phạm Tiến Dương

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 10 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Cà Văn Thuật
Ngày ký: 10/02/2025 15:39:55
Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở Vàng Đán
Người ký: Nguyễn Tiến Thành
Ngày ký: 10/02/2025 15:45:07
Đơn vị: Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở Vàng Đán

Cà Văn Thuật

Nguyễn Tiến Thành